

UBND HUYỆN EA KAR
TRƯỜNG TH&THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý
Tự Trọng giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030



KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Tự Trọng giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Trường TH&THCS Lý Tự Trọng được thành lập vào năm 2019 trên cơ sở sáp nhập trường trường TH Huỳnh Thúc kháng và trường THCS Lý Tự Trọng theo quyết định số: 714/QĐ-UBND ngày 03 tháng 09 năm 2019 của UBND Huyện Ea Kar.

Hiện tại, trường TH&THCS Lý Tự Trọng có 3 điểm trường, 2 điểm nằm tại thôn 2 xã Ea Sô, 1 điểm nằm tại thôn 1, xã Ea Sô.

Quá trình hình thành và phát triển của trường trong 4 năm qua với những chặng đường đầy thử thách, khó khăn nhưng cũng có rất nhiều thuận lợi. Đặc biệt là những kết quả đạt được trong những năm gần đây đã chứng minh: Nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành; đã, đang và sẽ trở thành một địa chỉ tin cậy của cha mẹ và học sinh xã Ea Sô.

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động, phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách, hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của Trường TH&THCS Lý Tự Trọng là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông. Cùng với các trường trong huyện, Trường TH&THCS Lý Tự Trọng quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển theo yêu cầu của huyện Ea Kar, phòng GD&ĐT Ea Kar, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

I. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH

- Huyện Ea Kar nằm về phía Đông - Nam của Tỉnh Đắk Lắk, được thành lập ngày 13/09/1986; trung tâm huyện cách thành phố Buôn Ma Thuột 52 km theo Quốc lộ 26; Tổng diện tích tự nhiên là 1.037,47 km² với 143.506 nhân khẩu gồm 19 dân tộc anh em cùng chung sống; Huyện Ea Kar có 16 đơn vị hành chính gồm 2 thị trấn: Ea Kar, Ea Knôp và 14 xã: Xuân Phú, Cư Huê, Ea Đar, Ea Kmút, Cư Ni, Ea Tyh, Ea Ô, Cư Yang, Ea Păl, Ea Sô, Ea Sar, Cư Bông, Cư Elang và Cư Prông. Đất đai, khí hậu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp hàng hoá, phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và phát triển kinh tế trang trại nông lâm kết hợp.

Xã Ea Sô tách ra từ xã Ea Sar ngày 27/11/2007 theo Nghị định 40/2005/NĐ-CP của Chính phủ. Xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, nằm cách trung tâm huyện Ea Kar

gần 20 km về phía Tây giáp xã Ea Sar; Phía Bắc giáp Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô; Phía Đông giáp huyện huyện M'Đrăk; Phía Nam giáp thị trấn Ea Knốp và xã Ea Tỳn.

Diện tích đất tự nhiên 32.107 ha, gồm 968 hộ, dân số 3.800 người, đồng bào dân tộc thiểu số 541 hộ bao gồm (Ê Đê, Nùng, Dao, Thái, Hoa, Vân kiều, Sán chi, Sán Rìu, Mường, Tày, H' Mông) đang cùng sinh sống. Toàn xã có 637 hộ nghèo và cận nghèo chiếm tỷ lệ 65.8%. Hầu hết nhân dân sống bằng nghề nông, đời sống hiện nay của nhân dân trong xã nhìn chung tương đối ổn định và có chiều hướng phát triển tốt trên mọi lĩnh vực.

Về Giáo dục – Đào tạo, trong những năm qua, được Đảng và Nhà nước quan tâm cùng với nỗ lực của địa phương, lĩnh vực giáo dục của xã Ea Sô phát triển khá đồng bộ ở các bậc học; chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên.

Hiện nay, xã Ea Sô có 02 trường học (01 trường TH&THCS; 01 trường mầm non). Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hệ thống trường lớp được mở rộng, cơ sở vật chất trường học được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương; xã được công nhận hoàn thành công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tiểu học và mầm non.. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, theo tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm.

1. Phân tích bối cảnh bên ngoài

a. Thời cơ

Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đặc biệt quan tâm chăm lo phát triển GD-ĐT, coi là GD-ĐT là quốc sách hàng đầu, có nhiều chính sách và sự ưu tiên đầu tư dành cho sự nghiệp phát triển giáo dục. Đặc biệt, Nghị quyết 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8, Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đưa sự nghiệp giáo dục lên một vị thế mới, phát triển giáo dục để xây dựng, phát triển đất nước và đưa nước ta nhanh chóng hội nhập quốc tế.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là cuộc Cách mạng lần thứ 4 đã tác động tích cực đến mọi mặt của cuộc sống đặc biệt là giáo dục và đào tạo.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để nước ta tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục hiện đại và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát triển giáo dục.

Nền giáo dục trên thế giới đang diễn ra những xu hướng mới: xây dựng xã hội học tập cùng với các điều kiện bảo đảm học tập suốt đời; đại chúng hóa, đa dạng hóa, toàn cầu hóa, hội nhập và hợp tác cùng với cạnh tranh quốc tế về giáo dục... Và quan trọng nữa là nhân dân ta với truyền thống hiếu học và chăm lo cho giáo dục, sẽ tiếp tục dành sự quan tâm và đầu tư cao cho GD-ĐT.

Về phía nhà trường:

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền địa phương, của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Ea Kar.

Đời sống và thu nhập của nhân dân trên địa bàn xã Ea Sô ngày càng được cải thiện; ý thức đối với sự nghiệp giáo dục ngày càng cao, đại đa số các gia đình đều xác

định đầu tư cho con em ăn học, đầu tư cho sự nghiệp giáo dục để có cơ hội lập nghiệp trong tương lai.

Trong những năm gần đây các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

b) Thách thức

Yêu cầu về chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo.

Yêu cầu ngày càng cao về việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và dạy học cũng là một trong những thách thức đối với đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường.

Các trường trên địa bàn huyện, tỉnh cũng không ngừng phát triển về quy mô, chất lượng tạo nên sự cạnh tranh lớn giữa các trường trên địa bàn.

HS vào học lớp 6 chưa được tiếp cận với chương trình GDPT 2018 ở bậc học Tiểu học chắc chắn sẽ có những khó khăn nhất định trong việc tham gia học tập chương trình lớp 6 của chương trình GDPT 2018.

Ngoài những thách thức ở trên thì việc nhà trường được trao quyền tự chủ trong việc xây dựng chương trình giáo dục, việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa trong các hoạt động dạy, học, chỉ đạo, quản lý đối với hoạt động dạy học theo định hướng phát triển PC và NL và tổ chức dạy học tích hợp cũng là một trong những thách thức đối với CBQL, GV và HS của nhà trường

Khoảng cách phát triển về kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo giữa Tây Nguyên và các vùng phát triển có xu hướng gia tăng.

Nhu cầu đời sống của con người được nâng cao vậy phải làm thế nào để nâng cao đời sống của cán bộ giáo viên giúp họ yên tâm công tác, toàn tâm toàn ý phục vụ ngành giáo dục.

Nhà trường nằm trên địa bàn có nhiều có nhiều dân tộc cùng chung sống, đời sống còn nhiều khó khăn, nhận thức còn hạn chế ... Làm thế nào giúp học sinh dân tộc thiểu số hòa nhập bình đẳng với các học sinh khác? làm thế nào để đảm bảo an ninh xã hội, ngăn chặn tệ nạn xâm nhập học đường là việc làm hết sức khó khăn.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh của nhà trường

Về đội ngũ CBQL, GV, NV: Cán bộ giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

Toàn trường có 39 công chức, viên chức, người lao động; Trong đó: Nữ: 16; Dân tộc: 04.

Trong đó: Hiệu trưởng: 01 đ/c; Phó hiệu trưởng: 02 đ/c; Giáo viên: 31 đ/c (GV tiểu học: 14 (Hợp đồng 01); GV THCS: 17 (Hợp đồng 3)).

Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên; Nữ: 03.

Trình độ chuyên môn: Đại học: 25; Cao đẳng: 9; Trung cấp: 03; THPT: 01 (bảo vệ); THCS: 01 (bảo vệ); Trung cấp LLCT: 03.

Về học sinh: HS nhà trường có tinh thần hiếu học, năng động có ý thức học tập tốt, tích cực rèn luyện chăm ngoan.

Về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường: Nhà trường có đủ số lượng phòng học văn hóa, đáp ứng yêu cầu 1 lớp/phòng. Có đủ các phòng học chức năng (phòng thực hành thí nghiệm, tin học, phòng thư viện, ...)

Truyền thống của nhà trường: Nhà trường được công nhận là tập thể lao động tiên tiến. Đội ngũ CB, GV, NV nhà trường đoàn kết, nhiệt tình và có trách nhiệm cao.

Những điểm mạnh của hoạt động dạy và học trong nhà trường: Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục hàng năm khá chặt chẽ, kịp thời. Đội ngũ GV trẻ nhiệt tình, tích cực trong hoạt động đổi mới PPDH, KT-ĐG theo định hướng phát triển PC, NL HS. Các hoạt động sinh hoạt về chuyên môn được tổ chức đạt hiệu quả cao.

2.2. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn khoảng trên 30% GV còn hạn chế trong việc ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục.

Một số công trình phục vụ cho hoạt động dạy học của nhà trường (06 phòng học cấp 4 bậc tiểu học) xây dựng từ những năm 2001 đến nay đã xuống cấp, khu 6 phòng học bậc tiểu học ở điểm thôn 2 chưa có tường rào, giếng nước, nhà vệ sinh. Thiết bị phòng thí nghiệm thực hành còn thiếu. Trong khi đó nguồn tài chính được phân bổ hàng năm chỉ cho hoạt động sửa chữa, nâng cấp CSVC rất ít nên không đáp ứng được yêu cầu tu sửa, nâng cấp CSVC và mua sắm mới trang thiết bị dạy học của nhà trường.

Nhà trường đã tích cực chỉ đạo đổi mới PPDH, KT-ĐG theo định hướng phát triển PC, NL HS, nhưng vẫn còn khoảng trên 25 đến 30% GV còn chậm trong việc áp dụng các PPDH tích cực, chưa đa dạng các hình thức tổ chức dạy học.

Vẫn còn khoảng 30% GV của trường chưa có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục tập thể còn hạn chế.

Chưa mạnh dạn trong việc đánh giá giáo viên, việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế chuyên môn chưa được thường xuyên.

Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên, chưa thực chất, phân công nhiệm vụ theo vị trí việc làm còn có những cán bộ, giáo viên chưa phù hợp với năng lực, trình độ.

II. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, có nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Cung cấp cho xã hội những học sinh có kiến thức sâu sắc, có tâm hồn trong sáng, có thể lực mạnh khỏe để tiếp tục học lên bậc học cao hơn hoặc đi vào lao động sản xuất, giúp các em trở thành các công dân có ích và trung thành của đất nước.

2. Tầm nhìn đến năm 2025 của trường TH&THCS Lý Tự Trọng

Đến năm 2025, trường TH&THCS Lý Tự Trọng cơ bản đạt chất lượng giáo dục. Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt trường chuẩn mức

độ 2; là nơi học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

3. Các giá trị cốt lõi của nhà trường

Đoàn kết; lòng nhân ái; ý thức trách nhiệm; sự hợp tác; nền nếp kỷ cương; tính sáng tạo; tính trung thực; khát vọng vươn lên.

III. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC, CÁC ƯU TIÊN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn cho học sinh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chất lượng đội ngũ

Cán bộ quản lý: Đến năm 2025, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đều có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Có kỹ năng sử dụng thành thạo CNTT.

Giáo viên: Đến năm 2025, 100% giáo viên của trường có trình độ Đại học; 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo yêu cầu của Nghị quyết 29/NQ/TW của Đảng; 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên, trong đó có

20 % trở lên đạt chuẩn loại tốt theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

Nhân viên: Đến năm 2025 có đủ nhân viên theo quy định, 80% có trình độ Đại học; có kỹ năng sử dụng thành thạo các phương tiện thiết bị công nghệ mới, CNTT, ... đáp ứng ngày càng cao yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2.2. Chất lượng học sinh:

Đối với bậc Tiểu học

Năm học	Số lượng học sinh	Tổng số lớp	Học tập			NL_PC			Tỷ lệ HS HTCTTH	Tỷ lệ HS HTCTLH
			Hoàn thành tốt %	Hoàn thành %	Chưa hoàn thành %	Tốt %	Đạt %	Cần cố gắng %		
2020-2021	321	12	30,8	65,5	3,7	26,6	72,5	0,9	100%	96,3
2021-2022	324	12	30,5	67,7	1,8	42,6	57,1	0,3	100%	98,1%
2022-2023	333	12	40	59,5	0,5	45	55	0	100%	99,5%
2023-2024	330	12	40	59,5	0,5	45	55	0	100%	99,5%

2024-2025	330	12	40	59,5	0,5	45	55	0	100%	99,5%
-----------	-----	----	----	------	-----	----	----	---	------	-------

Đối với bậc THCS							Hạng kiểm (kết quả rèn luyện)				HS G huyện tỉnh %	Tỉ lệ TN %
Năm học	Số lượng học sinh	Tổng số lớp	Kết quả học lực (học tập)									
			Giỏi (tốt) %	Khá %	TB (Đạt) %	Yếu /kém (chưa đạt) %	Tốt %	Khá %	TB (Đạt) %	Yếu (chưa đạt) %		
2020-2021	243	8	4.94	46.5	47.3	1.2	84.8	14.4	0.8	0		96.1
2021 – 2022	244	8	2.87	39.3	55.3	2.46	84.4	15.6	0	0		0
2022-2023	224	8	2.9	40	55	2.1	85	15	0		02	100
2023-2024	236	8	3	40	55	2.0	86	14	0	0	03	100
2024-2025	244	8	4	40.4	54	1.6	88	12	0	0	04	100

2.3 Cơ sở vật chất

Phòng học, phòng làm việc, phòng bộ môn... tiếp tục được quan tâm sửa chữa nâng cấp; trang thiết bị phục vụ dạy và học phần nào đã đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Các phòng tin học, thí nghiệm, phòng đa năng được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại.

Xây dựng môi trường sư phạm văn minh và “Xanh - Sạch - Đẹp”.

Xây dựng thư viện đạt thư viện tiên tiến đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Đảm bảo các điều kiện cho việc chuyển đổi số trong giáo dục. Đến năm 2025, nhà trường có đầy đủ các công trình đạt chuẩn đáp ứng hoạt động giáo dục thể chất, hoạt động vui chơi và

ngoại khóa cho học sinh ...

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Giải pháp chung.

-Tuyên truyền trong CBGV, NV, học sinh, Ban đại diện CMHS, cán bộ và nhân dân xã Ea Sô về nội dung kế hoạch chiến lược trên mọi phương tiện thông tin đại chúng, lấy ý kiến để thống nhất nhận thức và hành động của toàn thể CBGV, NV trong trường.

Xây dựng khối đoàn kết nhất trí cùng nhau cộng đồng trách nhiệm, hoàn thành thắng lợi mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

Xây dựng văn hoá nhà trường hướng tới các giá trị cốt lõi đã nêu trên.

Làm tốt hơn nữa công tác xã hội hoá giáo dục nhằm thu hút nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục.

2. Giải pháp cụ thể.

2.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác trong giáo dục học sinh:

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học thông dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động học tập của học sinh. Các phương pháp dạy học thông dụng bao gồm 3 nhóm truyền thống:

+ Dùng lời: như thuyết trình (Giảng giải, diễn giải, giảng thuật), đàm thoại, đọc, mô tả, làm việc với SGK.

+ Trực quan: như sử dụng bản đồ, tranh ảnh, hình vẽ, phim ảnh, mô hình, hiện vật, các tấm gương người tốt, việc tốt.

+ Thực hành: làm thí nghiệm, hoàn thành bài tập thực tế, quan sát thực tế và ghi chép số liệu theo yêu cầu, các buổi ngoại khóa, hoạt động tập thể.

Tích cực sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề hoặc dạy học dựa trên vấn đề. Đó là việc đưa học sinh vào tình huống có vấn đề, giải quyết vấn đề và kết luận vấn đề.

Tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại, đề cao chủ thể nhận thức của học sinh. Các phương pháp dạy học hiện đại như:

+ Khảo sát, điều tra.

+ Thảo luận: thảo luận nhóm, thảo luận nhóm ghép đôi, thảo luận chung toàn lớp.

+ Động não.

+ Tranh luận.

+ Báo cáo (chuẩn bị báo cáo, xây dựng báo cáo, thuyết trình trước lớp).

- Sử dụng phương tiện dạy học theo hướng đề cao vai trò chủ thể nhận thức của học sinh. Phương tiện dạy học và phương pháp dạy học có sự thống nhất hữu cơ với nhau. Bên cạnh các phương pháp dạy học truyền thống như tranh ảnh, hình vẽ,

bản đồ, sơ đồ, SGK, các tài liệu tham khảo, mô hình, hiện vật... là những thiết bị kỹ thuật hiện đại trong dạy học như: phim video giáo khoa, máy vi tính, Projector. Phối hợp các hình thức dạy học một cách linh hoạt:

Dạy học trong lớp như dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm.

Dạy học theo lớp; dạy học ngoài lớp như tham quan, khảo sát, ngoại khoá.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy năng lực, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học; bám chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Tích cực bồi dưỡng học sinh khá, giỏi; phụ đạo học sinh yếu, kém; ôn, luyện thi đạt hiệu quả cao.

2.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ:

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trong điều kiện cho phép sẽ tuyển bổ sung đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo chất lượng tốt, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo.

Hàng năm xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Chú trọng đào tạo nâng chuẩn; mở các lớp bồi dưỡng tại đơn vị và khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng.

Tích cực tham gia các hội thi giáo viên dạy giỏi vòng trường, tỉnh; giáo viên nghiên cứu khoa học; tăng cường giao lưu học hỏi các đơn vị điển hình trong tỉnh nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức cho đội ngũ.

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn cơ quan văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ, quy chế làm việc trong nhà trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

2.3. Xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ:

Thường xuyên bảo dưỡng, tu sửa và phát huy tác dụng cơ sở vật chất hiện có; chú trọng xây dựng trường "xanh, sạch, đẹp". Bổ sung trang thiết bị dạy học cho các phòng học, khối phòng học bộ môn, khu luyện tập thể thao...

Đầu tư thêm nguồn tài liệu, sách tham khảo phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho yêu cầu dạy chuyên và cho các hoạt động giáo dục.

2.4. Huy động mọi nguồn lực để phát triển nhà trường :

- Nguồn nhân lực :

+ Bao gồm toàn bộ lực lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên với năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống của từng người tham gia vào các hoạt động của nhà trường.

+ Nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, là vốn quý nhất để phát triển nhà trường. Nhà trường cần có giải pháp tốt nhất để tập hợp, tạo cơ hội cho mọi thành viên của trường phát huy hết khả năng sáng tạo trong hoạt động xây dựng thương hiệu của nhà trường.

- Nguồn lực tài chính :
 - + Từ ngân sách nhà nước hàng năm.
 - + Nguồn lực từ gia đình học sinh, học sinh hàng năm.
 - + Nguồn lực từ xã hội hoá giáo dục: Từ các thể hệ học sinh, PHHS nhà trường; Các thể hệ thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường; từ các doanh nhân, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm có thiện ý với nhà trường.
- Nguồn lực vật chất hữu hình và vô hình:
 - + Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, thư viện, phòng làm việc và các công trình phụ trợ khác.
 - + Trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ giảng dạy, công nghệ phục vụ quản lý, giảng dạy, học tập.
 - + Truyền thống và tín nhiệm của nhà trường, đội ngũ giáo viên.
- Nguồn lực thông tin :
 - + Là những dữ liệu đã được phân tích và xử lý để phục vụ cho việc ra quyết định hoặc giải quyết các nhiệm vụ nhằm phát triển nhà trường. Thông tin vừa là yếu tố đầu vào, vừa là nguồn dự trữ tiềm năng cho nhà trường.
 - + Hệ thống thông tin bao gồm thông tin về mục tiêu, chương trình kế hoạch dạy học; về học sinh, về giáo viên; về các vấn đề tài chính; về cơ sở vật chất của nhà trường; về điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương. Thông tin xuôi và ngược, thông tin trên và dưới; thông tin trong - ngoài; thông tin ngang; thông tin vĩ mô, thông tin vi mô.

2.5. Xây dựng “thương hiệu”:

Xây dựng “thương hiệu”, tín nhiệm của nhà trường với xã hội.
Xác lập tín nhiệm “thương hiệu” đối với từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và PHHS.

Tích cực xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

Thiết kế logo; từng bước hoàn thiện bài viết về truyền thống nhà trường; tích cực tuyên truyền, giáo dục truyền thống của nhà trường bằng nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn. Xây dựng và đưa “quy tắc ứng xử” vào nhà trường để giáo dục.

2.6. Quan hệ với cộng đồng:

Xây dựng và phát triển các mối quan hệ tốt với các tập thể, các cá nhân thuộc đơn vị bạn; các cơ quan, đơn vị kinh tế, văn hoá, chính trị-xã hội, doanh nghiệp ở địa phương để làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục.

Xây dựng và phát triển mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương, khu dân cư để làm tốt công tác tuyên truyền thương hiệu, giáo dục truyền thống.

2.7. Về ứng dụng công nghệ thông tin

Tích cực sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, coi đó là phương tiện hữu hiệu trong việc tổ chức một giờ học, các tổ chuyên môn lập kế hoạch theo dõi và sử dụng thiết bị, đặc biệt ở các bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học và Tiếng Anh.

Tăng cường sử dụng, khai thác thông tin trên mạng internet phục vụ cho giảng dạy và học tập; thường xuyên cập nhật các phần mềm dạy học, thông tin trên

các trang web hữu ích phục vụ cho chuyên môn.

Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý: điểm, tài chính và nhân sự.

2.8. Lãnh đạo và quản lý:

Lãnh đạo toàn diện, ưu tiên cho những mục tiêu trọng điểm, lĩnh vực ưu tiên.

Phân công trách nhiệm cụ thể, toàn diện các mặt công tác.

Tổ chức hệ thống thông tin trong trường chính xác, thuận lợi, kịp thời.

Xây dựng nề nếp làm việc khoa học, tác phong hiện đại, quan hệ đồng nghiệp, thầy trò thân thiện, đúng mực.

Xây dựng lực lượng kiểm tra nội bộ trường học có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan chủ quản, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

Thành lập Ban chỉ đạo chiến lược chịu trách nhiệm quản lý, điều hành quá trình triển khai kế hoạch chiến lược; điều chỉnh kế hoạch sau từng giai đoạn sát với thực tế của địa phương, của nhà trường. Hàng năm hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học phải căn cứ vào kế hoạch chiến lược, chỉ đạo các bộ phận, các đoàn thể thực hiện chiến lược. Tất cả các hoạt động trong trường, hoạt động của từng cá nhân đều nhắm đến việc thực hiện mục tiêu chiến lược đã xây dựng của nhà trường.

2. Tổ chức thực hiện.

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

Giai đoạn 1: Từ năm 2020 – 2022: Duy trì chất lượng giáo dục, tạo cảnh quan môi trường, xây dựng trường nhà trường xanh – sạch – đẹp.

Giai đoạn 2: Từ năm 2022 - 2025: Nâng cao chất lượng giáo dục, học sinh giỏi huyện, tỉnh, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, hoàn thiện cơ sở vật chất theo chuẩn mới.

Giai đoạn 3: Từ năm 2025 – 2030: Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Giữ vững chất lượng, đảm bảo thương hiệu nhà trường.

4. Trách nhiệm của các lực lượng tham gia

4.1. Đối với Hiệu trưởng

Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch trong từng giai đoạn.

4.2. Đối với Phó Hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

4.3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

4.5. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

4.6. Học sinh của nhà trường.

Tích cực học tập, rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống thông qua các hoạt động giáo dục để đáp ứng tốt các yêu cầu xã hội sau khi tốt nghiệp THCS.

4.7. Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tăng cường giáo dục gia đình, phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường và các lực lượng giáo dục khác trong việc giáo dục học sinh.

Hỗ trợ tài chính, nhân lực, vật lực, cùng với nhà trường tuyên truyền, vận động các bậc phụ huynh, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm góp phần thực hiện mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

V. KIẾN NGHỊ :

1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ea Kar:

Phê duyệt và tạo điều kiện tốt cho nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược.

Hỗ trợ, hướng dẫn về cơ chế chính sách, giúp nhà trường về công tác tham mưu với UBND huyện để được ưu tiên về mặt tài chính, nhân lực nhằm thực hiện các mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

2. Đối với chính quyền địa phương và UBND huyện Ea Kar.

Hỗ trợ tài chính hoạt động, nguồn nhân lực và đầu tư xây dựng CSVC nhà trường theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện;
- UBND xã Ea Sô
- Lưu VT.



PHÊ DUYỆT CỦA UBND XÃ EA SÔ PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT

